

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 22 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v *Tranh chấp:*

“Yêu cầu ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Tấn Thanh.

+ Bà Nguyễn Thị Ba.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa ông Phạm Nhật Minh – Thư ký Tòa án nhân dân
thị trấn Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị trấn Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa:* Không

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị trấn Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 858/2020/TLST-HNGĐ ngày 10-12-2020 về việc tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 11-01-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐHPT ngày 27-01-2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Phan Thị H, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 126, khu phố N, đường Đ, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 126, khu phố N, đường Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010, thì phát sinh mâu thuẫn do ông H1 ăn nhậu về kiếm chuyện cự cãi, không lo cho vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Con chung: Có 01 con Phan Thị Bảo L sinh năm 1999 đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai của ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông và bà Phan Thị H chung sống với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND phường C, thị trấn Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010, thì phát sinh mâu thuẫn do bà H có quan hệ với người bạn trai khác ông đã tha thứ vợ chồng về chung sống lại, Đến tháng 3-2020 vợ bỏ nhà đi làm xa, từ đó vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân cho đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Con chung: Có 01 con Phan Thị Bảo L sinh năm 1999 đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là tranh chấp “Yêu cầu ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1; Con chung có 01 con Phan Thị Bảo L sinh năm 1999 đã trưởng thành; Tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có.

[3] Ông Nguyễn Văn H1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H1 không đến tham dự phiên tòa, ông cung cấp văn bản trình bày ý kiến của ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của ông. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H1.

Xét các yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn 2004 tại UBND phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010, thì phát sinh mâu thuẫn bà H cho rằng ông H1 ăn nhậu, kiếm chuyện cự cãi, không lo cho vợ con và gia đình, không tin tưởng nhau, nghi ngờ ghen tuông. Đến tháng 3-2020 bà H bỏ đi làm xa lâu lâu mới về. Ông H1 cho rằng do bà H có quan hệ với bạn trai khác ông đã bỏ qua vợ chồng chung sống lại, đến tháng 3-2020 bà H đi làm xa. Xét thấy tại phiên tòa bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H1, theo bản tự khai của ông H1 ông không đồng ý ly hôn nhưng ông H1 không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà H, ông H1 và thời gian sống ly thân cũng lâu ông bà gặp nhau cũng không trao đổi tình cảm vợ chồng, nay tình cảm đã rạn nứt mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H.

[2] Về con chung: Có 01 con Phan Thị Bảo L sinh năm 1999 đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn nên bà H phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39 Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H

- Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.
- Về con chung: Có 01 con Phan Thị Bảo L sinh năm 1999 đã trưởng thành.
- Tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0004555 ngày 10-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2004; UBND Phường C- TP M-TG)
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Võ Thị Ngọc Hoa